

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

STT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện đến 31/10/2019	Ước thực hiện đến cuối năm	So sánh % kế hoạch	Kế hoạch năm 2020
1	Sản lượng thanh long	tấn	350.000	350.000	350.000	100%	350.000
2	Diện tích thanh long UDCNC	ha	2.000	2.082	2.082	104%	Tăng 600
3	Diện tích tôm	ha	1.505	1.505	1.505	100%	1.500
4	Tổng đàn gia cầm	con	1.500.000	600.000	600.000	40%	600.000
5	Tổng đàn heo	con	30.000	16.000	16.000	53%	16.000
6	Tổng đàn bò	con	7.000	6.000	6.000	85,7%	6.000
7	Tổng thu NSNN trên địa bàn	tỷ đồng	100,5	126,191	136,700	125,56 %	118
8	Tổng chi NSNN	tỷ đồng	372,801	303,511	378,119	81,4%	397,716
9	Số km đường BTH - Nhựa hóa và nâng cấp mở rộng	km	6,672 (BS 05 DMCT: 2,385)= 9,057 km	6,583	9,057	100%	15
10	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	100	100	100	100%	100
11	Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100%	100
12	Số hộ sử dụng nước qua lăng lọc	%	85%	84,61%	85%	100%	87%
13	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1%	1	1	Đạt	1
14	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi	%	Dưới 7,8%	7,57%	7,57%	Đạt	7,5

15	Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	xã	12/12	12	12	100%	12
16	Giải quyết việc làm	người	2.500	2.458	2.812	112,5 %	2.500
17	Giảm hộ nghèo	hộ	Giảm 10% của 432 hộ	Giảm 48 hộ	Giảm 48 hộ	Đạt 160% (hiện còn 384 hộ trong đó diện BTXH là 149 hộ)	Giảm 20% của 235 hộ (không tính hộ nghèo thuộc diện BTXH)
18	Xây dựng và sửa chữa nhà tình nghĩa	căn	10	16	16	160%	20
19	BHYT toàn dân (người dân có HKTT tại địa phương)	%	96%	97%	97%	101%	98%
20	Xây dựng xã văn hóa	xã	Giữ vững (12/12)	Giữ vững (12/12)	Giữ vững (12/12)	Đạt	Giữ vững (12/12)
21	Công nhận ấp văn hóa	ấp	Giữ vững (86/86)	Giữ vững (86/86)	Giữ vững (86/86)	Đạt	Giữ vững (86/86)
22	Tuyển quân	cấp	2	2	2	Đạt	2
23	Số việc THA	%	73	75,75	75,75	103,76 %	73
24	Số tiền THA	%	33	41,89	41,89	126,93 %	33